

Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI và tác động đối với Việt Nam

Nguyễn Tuấn Bình*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc là cụm từ được nhắc đến nhiều nhất trong gần hai thập niên đầu của thế kỷ XXI. Sự nổi lên của Trung Quốc về nhiều lĩnh vực (chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh quân sự...) được đánh giá là hiện tượng nổi bật, thu hút sự quan tâm của các nước châu Á và cả thế giới. Bên cạnh đó, sự “trỗi dậy” này còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển thế giới, làm thay đổi sự phân bố quyền lực toàn cầu. Việt Nam là quốc gia láng giềng gần gũi và có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc, nên sự trỗi dậy của cường quốc châu Á này cũng có những tác động không nhỏ đối với nước ta. Trong quá trình phát triển đất nước, Việt Nam có điều kiện tiếp nhận các yếu tố thuận lợi và không tránh khỏi đương đầu với những thách thức từ sự “trỗi dậy” về nhiều mặt của Trung Quốc. Có thể khẳng định, từ sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc hiện nay, quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam là một mối quan hệ “bất đối xứng”. Sự bất đối xứng trong quan hệ Trung Quốc - Việt Nam diễn ra trên hầu khắp các lĩnh vực hợp tác chủ yếu, trong đó có chính trị, kinh tế và an ninh quân sự. Trong phạm vi bài viết, tác giả chủ yếu tập trung phân tích những vấn đề cơ bản xung quanh sự “trỗi dậy” của Trung Quốc, một số tác động chủ yếu của vấn đề này đến các vấn đề an ninh và tình hình phát triển của Việt Nam trong những năm gần đây.

Từ khoá: Sự trỗi dậy, tác động, thế kỷ XXI, Trung Quốc, Việt Nam

SỰ “TRỖI DẬY” CỦA TRUNG QUỐC Ở CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Sự trỗi dậy của Trung Quốc kể từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến những năm gần đây là một chủ đề “nóng” được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Đối với những người theo chủ nghĩa hiện thực, sự trỗi dậy của Trung Quốc được coi là một thách thức đối với phần còn lại của thế giới, mang lại sự cạnh tranh khốc liệt trong bối cảnh toàn cầu hoá, bởi vì theo quan điểm hiện thực, các quốc gia tất yếu sẽ cố gắng xác lập vị thế, quyền lực trên trường quốc tế. Do đó, Trung Quốc phải mở rộng ảnh hưởng đối với các nước khác để phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên, đối với những người theo chủ nghĩa tự do, sự trỗi dậy của Trung Quốc có thể giúp cho việc phát triển kinh tế toàn cầu, bao gồm một thế giới hợp tác và hòa bình quốc tế [1, tr.1-2]. Hai quan điểm trái ngược này đã giúp củng cố những lập luận nhằm xoá tan sự nghi ngờ về việc tồn tại hay không tồn tại những hệ quả do tác động từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. John Ikenberry, giáo sư chính trị và các vấn đề quốc tế tại Đại học Princeton (Mỹ), cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc đang tạo ra một bước dịch chuyển to lớn đối với việc phân bổ sức mạnh toàn cầu, trong đó trật tự thế giới mang định hướng phương Tây được thay thế

bằng một trật tự khác do phương Đông thống trị [2, tr.23]. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, nếu Liên Xô chỉ là đối thủ cạnh tranh về mặt quân sự của Mỹ thì giờ đây, Trung Quốc nổi lên như là một đối thủ đáng gờm cả về quân sự lẫn kinh tế, báo hiệu một sự chuyển dịch sâu sắc trong việc phân bố quyền lực toàn cầu.

Với việc trung tâm chính trị và kinh tế thế giới chuyển từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương, từ châu Âu sang châu Á, thế kỷ XXI có thể được xem là “Thế kỷ Thái Bình Dương”³. Tầm quan trọng của sự tăng trưởng châu Á trong thế kỷ XXI cũng được thể hiện qua quy mô dân số gấp mười lần Bắc Mỹ và sáu lần so với châu Âu. Ở châu Á - Thái Bình Dương, Trung Quốc dần nổi lên trở thành một cường quốc có vị thế kinh tế, chính trị, an ninh quân sự. Với sự tăng trưởng tương đối chậm chạp của nền kinh tế Nhật Bản kể từ những năm cuối thế kỷ XX, sự “trỗi dậy” của Trung Quốc đã thu hút sự chú ý của cả thế giới, chủ yếu diễn ra trên các lĩnh vực chủ yếu: kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh quân sự.

VỀ KINH TẾ

Kể từ khi bắt đầu cải cách mở cửa vào năm 1978, Trung Quốc đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường và đã đạt được những thành tựu kinh tế và xã hội nhanh chóng. Tính

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Liên hệ

Nguyễn Tuấn Bình, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: nguyentuanbinh@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 18/12/2019
- Ngày chấp nhận: 2/12/2020
- Ngày đăng: 15/12/2020

DOI: 10.32508/stdjssh.v4i4.610



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Bình NT. Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI và tác động đối với Việt Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(4):530-537.

từ thời điểm Chiến tranh lạnh kết thúc, nền kinh tế Trung Quốc, được đo bằng tổng sản phẩm (GDP), tăng từ 424 tỷ USD (năm 1991) lên 10.866 nghìn tỷ USD vào năm 2015, chiếm 51% giá trị kinh tế của Đông Á [4, tr.101-102]. Theo số liệu chính thức từ Ngân hàng thế giới và Trading Economics, từ khi cải cách mở cửa (năm 1978) đến nay, GDP của Trung Quốc tăng từ 149,5 tỷ USD⁵ (năm 1978) lên 14.200 tỷ USD⁶ (năm 2019), chiếm 11,72% nền kinh tế thế giới và từng bước vượt mặt các quốc gia phát triển Tây Âu là Pháp, Anh, Đức. Năm 2010, Trung Quốc chính thức thay thế Nhật Bản để trở thành quốc gia đứng thứ hai thế giới về kinh tế, chỉ sau Mỹ. Năm 2011, Trung Quốc trở thành nước sản xuất hàng hoá lớn nhất thế giới và chiếm tỷ lệ lớn trong tổng sản lượng hàng hoá của toàn thế giới [7, tr.70]. Với dân số hơn 1,4 tỷ người, Trung Quốc hiện được xem là một “động lực tăng trưởng” quan trọng của kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và thế giới. Năm 2007, Trung Quốc vượt Mỹ về sự đóng góp tăng trưởng GDP toàn cầu. Vấn đề tăng trưởng kinh tế thế giới hiện nay không chỉ phụ thuộc vào kinh tế của Mỹ, mà còn tùy thuộc vào kinh tế Trung Quốc.

Bên cạnh đó, theo số liệu tài chính do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố, tính đến cuối năm 2006, lượng dự trữ ngoại tệ của nước này đã đạt tới giá trị hơn 1 nghìn tỷ USD [2, tr.26] và đạt 3.993,2 tỷ USD vào tháng 6/2014, con số cao nhất tính đến thời điểm hiện nay (3.101,7 tỷ USD vào tháng 5/2020)⁸. Ngoài ra, theo các tiêu chuẩn do Hiệp hội Viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu công bố vào tháng 4/2015, có hơn 31% giao dịch thương mại với Trung Quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương được thực hiện bằng đồng Nhân dân tệ, tăng 7% so với tháng 4/2012. Đồng Nhân dân tệ là đồng tiền lớn thứ năm trên thế giới hiện nay, chiếm 2,03% tổng thanh toán toàn cầu [4, tr.102]. Bên cạnh sự trỗi dậy về kinh tế, vị thế chính trị và các mối quan hệ ngoại giao của Trung Quốc cũng ngày càng gia tăng trên trường quốc tế.

Về chính trị - ngoại giao

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, chính sách đối ngoại của Trung Quốc được giới lãnh đạo nước này định hướng theo ba nội dung chủ yếu: thứ nhất, duy trì quan hệ láng giềng tốt đẹp với các nước xung quanh; thứ hai, đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế; thứ ba, giữ vai trò tích cực hơn trong cộng đồng quốc tế [9, tr.357]. Trung Quốc đã thành công trong việc theo đuổi các mục tiêu này trong các thập kỷ tiếp theo. Vị thế của Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế đang ngày càng được củng cố mạnh mẽ thông qua các chỉ số phát triển kinh tế và là một trong hai ủy

viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc có tiềm lực kinh tế hàng đầu thế giới. Các hoạt động đối ngoại của Trung Quốc như tham gia vào hơn 20 lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, tham gia giải quyết vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, Iran và vấn đề xung đột sắc tộc ở một số nước châu Phi... đã giúp quốc gia này có thể tiếp tục con đường tiến lên phía trước mà không cần gây ra những xung đột, va chạm như các cường quốc mới nổi trước đây từng gặp phải. Đặc biệt, Trung Quốc chú trọng phát huy “sức mạnh mềm”^a, xây dựng hình ảnh nước lớn có trách nhiệm, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, chống chủ nghĩa khủng bố, đói nghèo... [10, tr.53].

Bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc đã tích cực tham gia vào nhiều diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế như đồng sáng lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải - SCO (2001) nhằm thúc đẩy hợp tác với các nước Trung Á, lập ra diễn đàn châu Á Bắc Ngao (BFA) thu hút sự tham gia ngày càng nhiều của các quốc gia ở châu lục này. Trung Quốc cũng đã đưa ra khái niệm *An ninh mới*^b chủ trương xây dựng một trật tự thế giới đa cực và đề cao vai trò của Liên Hợp Quốc trong việc giải quyết các tranh chấp thông qua đàm phán. Về quan hệ với các nước láng giềng trong khu vực, Trung Quốc có hai mục tiêu chính: Thúc đẩy môi trường quốc tế trong khu vực có lợi ích cho Trung Quốc, phát triển khả năng quân sự để bảo vệ lợi ích và lãnh thổ của Trung Quốc [11, tr.69-70]. Trung Quốc chủ trương thực hiện chính sách “mục lân, an lân, phú lân”^c với phương châm “*cùng phát triển, cùng phồn vinh*” và “*hợp tác cùng thắng*” trong lĩnh vực kinh tế [10, tr.224]. Theo đó, các quốc gia tham dự đều có thể hưởng lợi từ kết quả hợp tác và điều này đã nhận được sự phản ứng tích cực từ các nước, kể cả các nước ASEAN.

^aSự quan tâm của Trung Quốc đối với “sức mạnh mềm” bắt đầu từ đầu năm 1993. Tuy nhiên, mãi đến năm 2007, “sức mạnh mềm” mới được xác định là một đặc điểm quan trọng của chính sách quốc gia của Trung Quốc về ngoại giao. “Sức mạnh mềm” Trung Quốc được hiểu là loại sức mạnh bao gồm những nguồn lực ngoài quân sự và an ninh, như: văn hóa, chính sách ngoại giao, tiềm lực kinh tế, đầu tư và đồn bầy ngoại giao, viện trợ và sự tham gia của các thể chế đa phương... Trung Quốc đã xác định mục tiêu của “sức mạnh mềm”: thứ nhất, quảng bá cho thành công lớn của “mô hình phát triển Trung Quốc” với tư cách là mô hình lí tưởng hơn mô hình của Mỹ và đồng minh; thứ hai, sử dụng ngoại giao kinh tế với các gói cứu trợ, đầu tư và nhiều công cụ khác để đạt được mục tiêu nước lớn có trách nhiệm trên thế giới.

^bKhái niệm “An ninh mới” của Trung Quốc bao gồm: quan hệ tôn trọng lẫn nhau, giải quyết hòa bình các tranh chấp, nhấn mạnh các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như khủng bố, “ngăn chặn cuộc xâm lược bên ngoài và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ” cũng như theo đuổi sự tin cậy lẫn nhau và cùng có lợi.

^cCó nghĩa là thân thiện với láng giềng, ổn định với láng giềng và cùng làm giàu với láng giềng.

VỀ AN NINH - QUÂN SỰ

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, tiềm lực quân sự của Trung Quốc không ngừng lớn mạnh, đặc biệt là vũ khí chiến lược, hải quân và không quân. Nhờ kinh tế liên tục tăng trưởng từ khi cải cách, mở cửa bốn thập kỷ qua, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc cũng tăng lên. Theo số liệu của *Sách trắng quốc phòng Trung Quốc* năm 2006, trong những năm 1990 - 2005, chi phí quốc phòng của nước này bình quân tăng 15,36% [10, tr.44]. Năm 2006, Trung Quốc chi cho an ninh - quốc phòng là 36 tỷ USD, năm 2007 là 45 tỷ USD, năm 2008 là 58 tỷ USD, tăng 61,1% so với năm 2006, lớn nhất châu Á và lớn thứ ba thế giới, sau Mỹ, Anh. Năm 2019, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc chi tăng 7,5% so với năm 2018, cụ thể là khoảng 177,5 tỷ USD¹². Có thể thấy rằng Trung Quốc đang rất tích cực trong việc tăng cường sức mạnh quân sự nhằm đối phó với áp lực quân sự ngày càng tăng của Mỹ. Xie Yue, giáo sư khoa học chính trị của trường Đại học Giao thông Thượng Hải đã nhấn mạnh: *“Từ quan điểm về an ninh quốc gia, Trung Quốc cần phải mạnh mẽ so với các nước Phương Tây, đặc biệt là Mỹ, nước đang gia tăng áp lực lên Trung Quốc trên tất cả mọi mặt trận, bao gồm cả quân sự. Vì vậy ngân sách quốc phòng chắc chắn phải tăng”*¹³.

Ngoài ra, Trung Quốc chú trọng đầu tư trang bị, hiện đại hóa, bổ sung trang bị mới, tăng cường đáng kể sức mạnh của quân đội. Tháng 6/2017, Trung Quốc hạ thủy tàu chiến lớn nhất châu Á tại xưởng đóng tàu Giang Nam ở Thượng Hải. Theo PLA Daily, tờ báo của quân đội Trung Quốc, mẫu tàu khu trục có tên lửa dẫn đường Type 055 mới có lượng choán nước hơn 10.000 tấn, được trang bị vũ khí phòng không, chống tên lửa, chống hạm và chống tàu ngầm. Khu trục hạm Type 055 có kích cỡ tương tự các tàu khu trục 8.000-10.000 tấn thuộc lớp Arleigh Burke, loại tàu chiến chủ yếu đang được hải quân Mỹ sử dụng¹⁴. Sự kiện này đã tạo bước chuyển lớn trong quá trình hiện đại hóa trang bị hải quân để có thể bành trướng ảnh hưởng của nước này ở Thái Bình Dương. Về không quân, vào tháng 12/2016, Trung Quốc đưa vào biên chế máy bay chiến đấu tàng hình FC-3 thế hệ thứ 5, chấm dứt độc quyền của phương Tây sản xuất loại máy bay này. Tháng 3/2017, Trung Quốc đưa vào sử dụng máy bay chiến đấu tàng hình loại mới nhất J-20, tương đương máy bay tàng hình F-35 của Mỹ. Bên cạnh đó, Trung Quốc liên tục hiện đại hóa tên lửa, tăng cường khả năng răn đe chiến lược. Tháng 2/2017, Trung Quốc đưa vào biên chế tên lửa đạn đạo có độ chính xác cao, có thể đặt trên các bộ phóng di động và tấn công tất cả tàu chiến, tàu ngầm, căn cứ không quân cách biên giới Trung Quốc 2.000 km¹⁵. Bên cạnh đó, Trung Quốc

là một trong những nước sở hữu hạt nhân trên thế giới, cùng Mỹ và Nga là một trong ba cường quốc hàng đầu về thám hiểm vũ trụ, tiềm lực quân sự ngày càng vượt trội với chi phí ngân sách tăng cao trong những năm gần đây cũng khiến cộng đồng quốc tế không thể không quan tâm và lo ngại.

Có thể nói, sự trỗi dậy của Trung Quốc kể từ sau Chiến tranh lạnh, đặc biệt là trong gần hai thập niên đầu thế kỷ XXI, đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển thế giới, làm thay đổi sự phân bố quyền lực toàn cầu. Robert D. Kaplan, giáo sư Học viện Hải quân Mỹ, đã nhận định: *“Trung Quốc hiện đang thay đổi cán cân quyền lực ở Đông bán cầu. Trên đất liền và trên biển, ảnh hưởng của quốc gia này kéo dài từ Trung Á đến Viễn Đông của Nga và từ biển Đông đến Ấn Độ Dương”* [16, tr.200]. Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc đã mang lại những tác động to lớn không chỉ đối với khu vực mà còn đến các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam.

NHỮNG TÁC ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA SỰ “TRỖI DẬY” TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Nằm trong khu vực có vị trí chiến lược, kinh tế, chính trị quan trọng, địa bàn tranh giành ảnh hưởng của các trung tâm quyền lực và các cường quốc, Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng luôn phải đứng trước nhiều lựa chọn về chính sách để tìm ra phương cách tốt nhất có thể bảo đảm an ninh và phát triển của quốc gia, dân tộc trong mối quan hệ với các nước lớn. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là nước láng giềng gần gũi và có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc. *“Không có quốc gia nào giống Trung Quốc hơn Việt Nam, và không có quốc gia nào giống Việt Nam hơn Trung Quốc”* [17, tr.487]. Trong quá trình phát triển đất nước, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tiếp nhận các yếu tố tích cực và không tránh khỏi đương đầu với những thách thức từ sự “trỗi dậy” về nhiều mặt của Trung Quốc.

VỀ KINH TẾ

Với vị thế của nền kinh tế đứng thứ hai thế giới, nền kinh tế của Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ từ nước láng giềng Trung Quốc. Từ sau khi bình thường hóa năm 1991, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, toàn diện và sâu rộng trên nhiều lĩnh vực cả chính trị - ngoại giao, văn hóa, an ninh - quốc phòng và kinh tế. Tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với Trung Quốc đã tăng gấp hơn 2.220 lần, từ mức hơn 30 triệu USD năm 1991 lên tới 66,6 tỷ USD năm 2015 [18, tr.20]. Thực tế thương mại

Việt Nam - Trung Quốc đến nay cho thấy, Việt Nam ngày càng trở thành một thị trường xuất khẩu quan trọng đối với Trung Quốc. Trong 69 nước mà Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu, Trung Quốc là quốc gia có lượng hàng hóa nhập vào Việt Nam cao nhất, chiếm 29,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam năm 2015 [18, tr.23-24]. Trung Quốc giữ vị trí dẫn đầu với mức cách biệt lớn, vượt xa Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan,... về giá trị nhập khẩu vào Việt Nam^d. Nhìn chung, cán cân thương mại ngày càng nghiêng về hướng có lợi cho Trung Quốc. Kể từ khi Trung Quốc gia nhập WTO (năm 2001), Việt Nam liên tục nhập siêu từ Trung Quốc với xu hướng ngày càng tăng. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc khoảng 0,19 tỷ USD của năm 2001, đến năm 2015 đạt tới mức kỷ lục 32,3 tỷ USD¹⁹, tăng hơn 170 lần năm 2001. Điều đáng lo là, nhập siêu từ Trung Quốc chiếm tỷ trọng quá lớn trong tổng nhập siêu của Việt Nam đối với toàn thế giới. Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng khoảng 46,8 lần sau 18 năm, từ 1,4 tỉ USD năm 2000 lên 65,5 tỉ USD năm 2018²⁰, trong khi đó, giá trị hàng xuất khẩu Việt Nam sang Trung Quốc chỉ tăng khoảng 27,6 lần, từ mức 1,5 tỉ USD năm 2000 lên 41,4 tỉ USD năm 2018²¹.

Trong các mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc, bình quân có khoảng 30 mặt hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD, trong đó có 6 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD²⁰ (lớn nhất là thiết bị điện, điện tử, máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, sắt thép, nhựa, vải dệt kim, Nhiên liệu khoáng, dầu, sản phẩm chưng cất...). Đứng ở góc độ kinh doanh, lợi thế của Việt Nam khi nhập khẩu các mặt hàng từ Trung Quốc là giá cả hợp lý hơn so với nhiều thị trường khác, chi phí vận chuyển thấp hơn, từ đó tác động tích cực tới năng lực cạnh tranh của các ngành này. Nhưng với cơ cấu hàng nhập khẩu như vậy, có thể thấy, sản xuất của Việt Nam đang ngày càng phụ thuộc (nếu không muốn nói là lệ thuộc) vào Trung Quốc. Việt Nam thực sự cần phải đa dạng hóa thị trường để tránh phụ thuộc vào “khách hàng” Trung Quốc.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, đến hết năm 2019, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 75,45 tỷ USD, tăng 15,2 % so với cùng kỳ năm 2018 và là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai (sau Mỹ) với kim ngạch đạt 41,41 tỷ USD, tăng 0,1 % so với cùng kỳ năm 2018 (xem Bảng 1). Đây được xem như một dấu

^dCon số nhập khẩu này từ Trung Quốc vượt xa thị trường lớn thứ hai của Việt Nam là Hàn Quốc. Trong năm 2015, Việt Nam nhập khẩu 16,7 tỷ USD giá trị hàng hóa từ Hàn Quốc, tăng 26,6% so với năm trước, giúp thị phần của nước này tăng mạnh từ 14,7% năm 2014 lên 16,7% năm 2015.

hiệu nữa cho thấy ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc trong khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng. Những ngành hàng mà Việt Nam nhập khẩu nhiều có xuất xứ từ Trung Quốc là: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 12,11 tỷ USD, tăng 47,2%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 14,9 tỷ USD, tăng 28%; mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may, da, giày với trị giá 11,52 tỷ USD, tăng 9,4%; chất dẻo nguyên liệu và sản phẩm từ chất dẻo đạt 3,99 tỷ USD, tăng 25,1%; sắt thép các loại với 5,14 triệu tấn; hóa chất và sản phẩm từ hoá chất với 3,23 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2018²². Những số liệu nêu trên cho thấy việc quá phụ thuộc vào một thị trường xuất nhập khẩu (Trung Quốc) sẽ mang lại nhiều rủi ro cho sự phát triển kinh tế Việt Nam. Cùng với thời gian, đây đang trở thành một mối lo thực sự khi mức độ phụ thuộc của thương mại Việt Nam đối với Trung Quốc đang ngày càng lớn hơn. Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của các hiệp định thương mại tự do với các đối tác lớn trên thế giới, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), tham gia vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)... Nếu được tận dụng tốt, các hiệp định thương mại tự do không chỉ mở ra các cơ hội phát triển mà còn là cơ hội để Việt Nam giảm bớt và thoát khỏi tình trạng lệ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc, bảo đảm sự phát triển cân bằng và bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Về vị thế chính trị

Kể từ Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2012), dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình, Trung Quốc chủ trương thực hiện “giấc mộng Trung Hoa”²³ với tham vọng trở thành cường quốc hàng đầu thế giới vào năm 2049 - thời điểm tròn 100 năm thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Thực hiện chủ trương đó, Trung Quốc ngày càng tỏ ra quyết đoán hơn trong việc bảo vệ các lợi ích quốc gia của mình, đẩy mạnh triển khai chính sách đối ngoại dựa trên hai trụ cột là “ngoại giao nước lớn” và “ngoại giao láng giềng”. Trung Quốc tập trung vào quan hệ với Mỹ, đồng thời thúc đẩy quan hệ với Nga, Liên minh châu Âu (EU) và chủ động đề ra nhiều sáng kiến mới. Năm 2014, Trung Quốc công bố sáng kiến “Vành đai, Con đường”^e, bắt nguồn từ ý tưởng xây dựng “Vành đai kinh tế con

^eTháng 11/2014, tại Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 22 được tổ chức tại Bắc Kinh, Trung Quốc chính thức đưa ra sáng kiến “Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa” và “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”, được gọi tắt là sáng kiến “Vành đai, con đường”. Sáng kiến này được đánh giá là một sản phẩm tư duy chiến lược toàn cầu mới trong mục tiêu hướng tới “Giấc mộng Trung Hoa”, đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc toàn cầu.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục, khối nước và một số thị trường lớn của Việt Nam năm 2019²²

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim ngạch (Tỷ USD)	So với năm 2018 (%)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (Tỷ USD)	So với năm 2018 (%)	Tỷ trọng (%)
Châu Á	135,45	2,9	51,3	202,90	6,6	80,2
- ASEAN	24,96	1,3	9,4	32,09	0,9	12,7
- Trung Quốc	41,41	0,1	15,7	75,45	15,2	29,8
- Nhật Bản	20,41	8,4	7,7	19,53	2,5	7,7
- Hàn Quốc	19,72	8,1	7,5	46,93	-1,4	18,5
Châu Âu	47,27	2,0	17,9	18,63	4,9	7,4
- EU(28)	41,48	-1,0	15,7	14,91	7,4	5,9
Châu Đại Dương	4,46	-7,4	1,7	5,14	16,4	2,0
Châu Mỹ	73,89	27,3	28,0	22,46	10,6	8,9
- Hoa Kỳ	61,35	29,1	23,2	14,37	12,7	5,7
Châu Phi	3,12	8,1	1,2	3,95	-3,7	1,6
Tổng	264,19	8,4	100,0	253,07	6,8	100,0

đường tơ lụa trên bộ”. Sáng kiến này do Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình đề xướng, được coi là một kế hoạch dài hơi để ứng phó với chiến lược “xoay trục” và chính sách “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” của Mỹ. Sáng kiến “Vành đai, Con đường” ra đời đã đẩy cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ lên một nấc thang mới và nếu viễn cảnh này trở thành hiện thực thì sẽ là một bước chuyển tiếp mềm cho quá trình chuyển giao quyền lực để sắp xếp lại bàn cờ chính trị thế giới. Để triển khai sáng kiến này, thời gian qua Trung Quốc đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường biển ở các nước Trung Á, Nam Á và châu Phi để mở rộng ảnh hưởng của mình. Điều này cho thấy sự lớn mạnh của Trung Quốc ngày một gia tăng sẽ nảy sinh những ảnh hưởng lớn đối với môi trường an ninh châu Á, đồng thời cũng tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ đối với nước láng giềng Việt Nam ở Đông Nam Á.

Việt Nam và Đông Nam Á nằm ở trung tâm, ngã ba đường của hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đông Nam Á là khu vực có vị trí địa - chiến lược, các quốc gia trong khu vực đang trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, ngày càng thể hiện vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - chính trị quốc tế. Vì vậy cũng là mối quan tâm lớn trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, trong đó có chiến lược “hướng Nam” của Trung Quốc. Brantly Womack đã chỉ ra ba nội dung chủ yếu trong chính

sách của Trung Quốc nhằm tạo dựng một môi trường ngoại giao hoà bình ở Đông Nam Á cho nước này vào nửa sau thế kỷ XX. Đầu tiên, cùng với Ấn Độ, Trung Quốc đưa ra “Năm nguyên tắc cùng chung sống hòa bình” trong Hội nghị Bandung (Indonesia) vào năm 1955, bao gồm: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng chung sống hòa bình. Thứ hai là những cải cách kinh tế và mở cửa mà Trung Quốc đã thực hiện trong hơn ba thập kỷ qua. Thứ ba, chính sách đa cực của Trung Quốc trong những năm 90 của thế kỷ XX đã giúp xoa dịu nỗi lo ngại của người Đông Nam Á trước sự bành trướng nước này [17, tr.474]. Trung Quốc không chỉ xây dựng được mối quan hệ song phương tốt đẹp với các nước Đông Nam Á, mà còn tham gia vào nhiều diễn đàn đối thoại và tổ chức khu vực với các nước láng giềng phía nam, như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và đối thoại ASEAN - Trung Quốc. Trong giai đoạn 1999 - 2000, Trung Quốc đã ký kết các thỏa thuận hợp tác dài hạn với tất cả mười quốc gia thành viên ASEAN, bao gồm hợp tác kinh tế, chính trị và thậm chí là quân sự [11, tr.77]. Chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc vừa tạo ra cơ hội cho Việt Nam trong việc tranh thủ môi trường hòa bình, các nguồn lực để phát triển và hội nhập quốc tế có hiệu quả, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, song cũng tạo ra những thách thức

không nhỏ cho Việt Nam về an ninh quốc gia, chủ quyền và độc lập tự chủ trong quá trình phát triển.

Về an ninh quân sự

Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trên lĩnh vực này là mối lo ngại sâu sắc nhất đối với các nước Đông Nam Á và Việt Nam. Đặc biệt, sự hiện diện ngày càng gia tăng và áp lực từ phía Trung Quốc tại Biển Đông đã khiến khu vực này trở nên căng thẳng và khó kiểm soát. Biển Đông được Cục Thủy văn Quốc tế định nghĩa là vùng nước nửa kín kéo dài theo hướng Tây Nam đến Đông Bắc, có đường biên giới phía nam là 3 độ vĩ Nam giữa Nam Sumatra và Kalimantan (eo biển Karimata) và có đường biên giới phía bắc là eo biển Đài Loan từ mũi phía bắc của Đài Loan đến bờ biển Phúc Kiến của Trung Quốc [11, tr.230]. Đối với Trung Quốc, Biển Đông nói chung cũng như quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí quan trọng do nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương là một vùng chiến lược quan trọng, là cổng của lục địa Trung Quốc đi ra thế giới bên ngoài. Bên cạnh đó, Biển Đông còn được xem là chiếc chìa khoá quan trọng trong chiến lược “Chuỗi ngọc trai”^f của Trung Quốc [24, tr.73].

Việt Nam là quốc gia nằm ven bờ Tây của Biển Đông, có bờ biển dài 3.260 km, vùng biển rộng khoảng trên 1 triệu km², với hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, cùng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở vị trí tiền tiêu và hiểm kế với vùng biển của các nước trong khu vực. Chính vì thế, xung quanh hai quần đảo này, nhất là đối với quần đảo Trường Sa, từ lâu đã tồn tại các tranh chấp về chủ quyền giữa các bên hết sức phức tạp. Trong đó quần đảo Hoàng Sa đang là nơi tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan. Quần đảo Trường Sa là nơi tranh chấp chủ quyền của 6 quốc gia và lãnh thổ: Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei; các quốc gia này tuyên bố chủ quyền toàn bộ hay một phần quần đảo Trường Sa. Bãi Macclesfield là đối tượng tranh chấp giữa Trung Quốc và Philippines. Quần đảo Pratas do Đài Loan quản lý là đối tượng tranh chấp giữa Trung Quốc và Đài Loan. Quần đảo Natuna do Indonesia tuyên bố chủ quyền cũng đang bị Trung Quốc đe dọa. Ngoài ra, vùng biển trong khu vực Biển Đông cũng là đối tượng tranh chấp, với lợi ích mà các quốc gia quan tâm gồm: ngư trường, khai thác tài nguyên (đặc biệt là dầu khí) và kiểm soát của một vị trí chiến lược.

^f“Chuỗi ngọc trai” (String of Pearls) là một thuật ngữ được các nhà phân tích Mỹ dùng để mô tả các tuyến giao thông hàng hải của Trung Quốc kéo dài đến Sudan, đi qua eo biển chiến lược Mandab, eo biển Malacca, eo biển Hormuz và eo biển Lombok. Trung Quốc muốn đặt nhiều căn cứ quân sự, cụ thể là căn cứ hải quân, tại nhiều nước khác nhau được xem là “Ngọc Trai” nằm trong “Chuỗi” trải dài từ phía nam Trung Quốc sang Ấn Độ Dương.

Biển Đông vốn được coi là “Địa Trung Hải” của châu Á, là “trục hai đại dương, là hòn đá tảng về sức mạnh biển, là đồng tiền sinh mệnh của Trung Quốc” [25, tr.142]. Trung Quốc có tham vọng độc chiếm Biển Đông nhằm khống chế tuyến hàng hải huyết mạch của thế giới, bảo đảm tuyến đường biển xuống phía Nam, từ đó tiến ra các đại dương, cạnh tranh vị thế siêu cường với Mỹ. Dựa vào thực lực về kinh tế, sức mạnh về quân sự, Trung Quốc đơn phương có những hành động làm thay đổi nguyên trạng ở Biển Đông, làm phương hại đến lợi ích của nhiều nước, đặc biệt là đe dọa đến chủ quyền, an ninh, lợi ích trước mắt và lâu dài của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, phía Việt Nam luôn mong muốn ngày càng có nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước lớn, lên tiếng ủng hộ lập trường chính nghĩa của Việt Nam trong vấn đề giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông, nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh biển đảo.

KẾT LUẬN

Có thể nói, sự “trỗi dậy” của Trung Quốc đã trở thành một trong những đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế hiện nay. Để hoàn thành mục tiêu chiến lược trở thành cường quốc có vị thế ngang bằng với Mỹ trong thế kỷ XXI, Trung Quốc đang có những sự điều chỉnh trong chính sách đối nội và đối ngoại để xây dựng đất nước giàu mạnh, xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, thúc đẩy việc hiện đại hoá quốc phòng, đồng thời ra sức phát huy vị thế và vai trò nước lớn trên trường quốc tế, cả về chính trị, kinh tế, an ninh, năng lượng, văn hoá...

Sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI đã mang lại những tác động không nhỏ đối với sự phát triển của Việt Nam và tạo ra một mối quan hệ “bất đối xứng” (asymmetric relationship) [17, tr.487]. Sự bất đối xứng trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn ra trên hầu khắp các lĩnh vực hợp tác chủ yếu, trong đó có chính trị, kinh tế và an ninh quân sự. Trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, Việt Nam cần có những đối sách nhằm cải thiện sự “bất đối xứng” trong quan hệ hai nước, đảm bảo an ninh và duy trì sự phát triển đất nước vào những thập niên đầu thế kỷ XXI: Thứ nhất, thực hiện cân bằng về lợi ích trong quan hệ với Trung Quốc và các nước lớn trên thế giới, cần tạo ra nhiều sự hợp tác, đan xen để bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, đồng thời tránh trở thành “con bài” của Trung Quốc. Thứ hai, tiếp tục chú trọng duy trì đường lối đối ngoại đa phương hiện nay, tích cực thúc đẩy quá trình hội nhập, xây dựng và phát huy vai trò Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) để nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực, tránh rơi vào tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc trong vấn đề bảo vệ an ninh - quốc phòng của mình. Thứ

ba, tiếp tục thực hiện chính sách nhất quán hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, nhất là về kinh tế, tôn trọng và ổn định về chính trị và hợp tác về an ninh, đôi bên cùng có lợi.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AEC (ASEAN Economic Community): Cộng đồng kinh tế ASEAN

ARF (ASEAN Regional Forum): Diễn đàn khu vực ASEAN

ASEAN (Association of Southeast Asian Nations): Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á

BFA (Boao Forum for Asia): Diễn đàn châu Á Bắc Ngao

EU (European Union): Liên minh châu Âu

EVFTA (EU- Vietnam Free Trade Agreement): Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU

GDP (Gross Domestic Product): Tổng sản phẩm quốc nội

IMF (International Monetary Fund): Quỹ Tiền tệ Quốc tế

SCO (Shanghai Cooperation Organisation): Tổ chức Hợp tác Thượng Hải

TPP (Trans-Pacific Partnership Agreement): Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương

USD (United States dollar): Đồng dollar Mỹ

WTO (World Trade Organization): Tổ chức Thương mại Thế giới

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài viết không có xung đột lợi ích

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

- Bài báo góp phần cung cấp cho người đọc về sự “trỗi dậy” của Trung Quốc kể từ sau Chiến tranh lạnh, đặc biệt là trong những năm đầu của thế kỷ XXI trên các lĩnh vực chủ yếu: chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh quân sự. Sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển thế giới, làm thay đổi sự phân bố quyền lực toàn cầu.

- Tác giả bài báo đã phân tích và làm rõ những tác động to lớn từ sự nổi lên của Trung Quốc không chỉ đối với khu vực mà còn đến các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam. Trong quá trình phát triển đất nước, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tiếp nhận các yếu tố tích cực và không tránh khỏi đương đầu với những thách thức từ sự “trỗi dậy” về nhiều mặt của Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kimkong H. The Rise of China: Global Threat or International Peace? UC Occasional Paper Series, The University of Cambodia. 2017;1(1):1-18.
2. Ikenberry GJ. The Rise of China and the Future of the West: Can the Liberal System Survive? Foreign Affairs, Council on Foreign Relations. 2008;1:23-37.
3. Borthwick M. Pacific Century: The Emergence of Modern Pacific Asia, 2nd edition. Routledge. Westview Press. 1998;.
4. Ross RS, Tunsjo O. Strategic Adjustment and the Rise of China: Power and Politics in East Asia. Ithaca and London. Cornell University Press. . 2017;Available from: <https://doi.org/10.7591/9781501712777>.
5. Globaltimes.cn. 40 years after reform and opening-up: China's GDP 1978-2017. [Online]. [cited 2019 May 23]; . 2018;.
6. TradingEconomics.com. China GDP. [Online]. [cited 2020 January 19]. 2019;.
7. Sutter RG. Chinese Foreign Relations: Power and Policy since the Cold War, 3rd edition. New York. Rowman & Littlefield Publishers, Inc. 2012;.
8. TradingEconomics.com. China Foreign Exchange Reserves. [Online]. [cited 2020 February 18]. 2019;.
9. Womack B. Asymmetry Theory and China's Concept of Multipolarity. Journal of Contemporary China. 2004;13(39):351-366. Available from: <https://doi.org/10.1080/1067056042000211942>.
10. Minh PB. Cục diện thế giới đến 2020. Hà Nội. Nxb. Chính trị Quốc gia. 2012;.
11. Pumphrey CW. The Rise of China in Asia: Security Implications. Strategic Studies Institute. U.S. Army War College. 2002;.
12. Martina M, Blanchard B. Rise in China's Defense Budget to Outpace Economic Growth Target". [Online]. [cited 2019 March 5]. 2019;.
13. Tian YL. China's defence budget likely to grow despite economic cost of coronavirus. [Online]. [cited 2020 May 18]. 2020;.
14. Lin J, Singer PW. China launches Asia's biggest post-WWII warship. [Online]. [cited 2017 June 28]. 2017;.
15. Quân NH. Về thể và lực quân sự hiện nay của Trung Quốc. [Online]. [cited 2018 July 21]. 2018;.
16. Kaplan RD. The Revenge of Geography: What the Map Tells Us about Coming Conflicts and the Battle Against Fate. New York. Random House. 2012;.
17. Womack B. China Among Unequals: Asymmetric Foreign Relations in Asia. Singapore. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. . 2010;Available from: <https://doi.org/10.1142/7627>.
18. Minh LD. Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc: Thực trạng, vấn đề và giải pháp. Tạp chí khoa học, Đại học Văn Hiến. 2016;3:19-29.
19. Khánh DC. Quan hệ thương mại Việt - Trung: Bối cảnh và những vấn đề đặt ra. [Online]. [cited 2016 August 19]. 2016;.
20. TradingEconomics.com. Vietnam imports from China. [Online]. [cited 2020 March 16]. 2019;.
21. TradingEconomics.com. Vietnam exports from China. [Online]. [cited 2020 January 25]. 2019;.
22. Tổng cục Hải quan Việt Nam. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019. [Online]. [cited 2020 January 31]. 2020;.
23. Bình LH. Những chuyển động mới trong cục diện khu vực, thế giới và tác động đến Việt Nam. [Online]. [cited 2018 August 25]. 2018;.
24. Tiến TN. Chiến lược “Chuỗi ngọc trai” và mục tiêu trở thành cường quốc biển của Trung Quốc trong thế kỷ XXI. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. 2012;1(125):64-80.
25. Khánh T. Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á - Ba thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh. Hà Nội. Nhà xuất bản Thế giới. 2014;.

The “rise” of China in the early years of the twenty-first century and its impacts on VietNam

Nguyen Tuan Binh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The "rise" of China is the most mentioned phrase in nearly the first two decades of the 21st century. The emergence of China in many fields (politics - diplomacy, economy, military security, etc.) is considered a prominent phenomenon which attracts the attention of Asian countries and of the whole world. In addition, this "rise" has a strong influence on the development of the world, changing the distribution of global power. As a close neighbor and having many similarities with China, Vietnam bears significant impacts caused by the "rise" of this Asian power. In the process of developing the country, Vietnam has favorable conditions to receive favorable factors and inevitably faces the challenges from China's "rise" in many aspects. It can be affirmed that, from the strong development of China today, the relationship between China and Vietnam is an "asymmetric relationship". The asymmetry in China - Vietnam relationship takes place in almost all major areas of cooperation, including politics, economy and military security. Within the scope of this article, the author mainly focuses on analyzing the basic issues surrounding China's "rise"; some of the major impacts of this issue are on security and development of Vietnam in recent years.

Key words: China, impact, rise, the twenty-first century, Vietnam

University of Education Hue

Correspondence

Nguyen Tuan Binh, University of Education Hue

Email: nguyentuanbinh@gmail.com

History

- Received: 18/12/2019
- Accepted: 2/12/2020
- Published: 15/12/2020

DOI :10.32508/stdjssh.v4i4.610



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Binh N T. The “rise” of China in the early years of the twenty-first century and its impacts on VietNam. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(4):530-537.